

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 03/10/2018

*“V/v Tranh chấp ly hôn
và nuôi con”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG - TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Lành.

2. Bà Ngô Thị Như Ý.

Thư ký Tòa án: Ông Tạ Văn Cung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2018/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, về việc: *“Tranh chấp ly hôn và nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Ng Q - sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Nguyễn V H - sinh năm 1984. Địa chỉ: Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K. Địa chỉ: Số S, đường Đ, phường P, TP T, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê H V - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Võ T Đ - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Phòng giao dịch huyện P. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 02 năm 2018 và các lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trịnh Ng Q trình bày và yêu cầu: Chị Q và anh H sống chung từ năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống chị Q và anh H có được một người con chung là cháu Nguyễn H N - sinh ngày 12 tháng 5 năm 2013, cháu N đang sống chung anh H. Chị Q xác định do chị Q và anh H có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống nên yêu cầu được ly hôn anh H, yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị Q xác định chị và anh H không có tài sản chung và không có nợ chung.

Ngày 18 tháng 6 năm 2018 chị Q rút yêu cầu khởi kiện về con chung, chị Q đồng ý giao con chung cho anh H nuôi, chị Q không cấp dưỡng nuôi con.

* Bị đơn anh H trình bày: Anh H và chị Q sống chung có đăng ký kết hôn và có con chung như chị Q trình bày. Anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q, đồng ý tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con. Riêng số tiền nợ Ngân hàng K gốc 6.561.747đ và lãi suất thì anh H tự nguyện một mình trả nợ không yêu cầu chị Q cùng trả nợ. Ngoài ra không còn nợ ai khác và không có tài sản chung.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng K yêu cầu anh H và chị Q trả số tiền nợ gốc là 6.561.747đ và lãi suất phát sinh theo hợp đồng đã ký kết với Ngân hàng. Ngày 17 tháng 8 năm 2018 Ngân hàng K rút yêu cầu khởi kiện đối với chị Q và anh H về số tiền nợ tại Ngân hàng K.

*** *Tại phiên tòa:***

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có nộp văn bản thể hiện có ý kiến khác đối với các ý kiến đã trình bày, Ngân hàng nộp đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với anh H và chị Q.

- Không có đương sự cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

*** *Ý kiến của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Đối với Hội đồng xét xử tính từ thời điểm bắt đầu phiên tòa cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn vi phạm khoản 15 và 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Ng Q và anh Nguyễn V H.

+ Về con: Giao cháu Nguyễn H N - sinh ngày 12 tháng 5 năm 2013 cho anh H tiếp tục nuôi, chị Q có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được

quyền cản trở. Anh H không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Đương sự xác định không có tài sản chung, nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ: Ngân hàng K rút yêu cầu đối với anh H và chị Q nên đình chỉ phần yêu cầu độc lập của Ngân hàng.

*** Các tình tiết của vụ án:**

- Chị Trịnh Ng Q và anh Nguyễn V H tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và thuận tình ly hôn nhau.

- Chị Q và anh H có một con chung là cháu Nguyễn H N - sinh ngày 12 tháng 5 năm 2013, hiện tại cháu N đang sống chung anh H, anh H và chị Q thống nhất giao cháu N cho anh H trực tiếp nuôi, anh H không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con.

- Chị Q và anh H xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung.

- Về nợ: Ngân hàng K đã rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với chị Q và anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự: Chị Q yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H, được Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý - giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Do chị Q và Ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án này.

[3] Xét yêu cầu của chị Q về hôn nhân: Chị Q và anh H tự nguyện sống chung như vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nay chị Q yêu cầu ly hôn và anh H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Q, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân Gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Ng Q và anh Nguyễn V H.

[4] Xét về con chung và quyền trực tiếp nuôi con: Chị Q và anh H có một con chung là cháu Nguyễn H N - sinh ngày 12 tháng 5 năm 2013, cháu N đang sống chung anh H. Chị Q và anh H thống nhất giao con chung cho anh H trực tiếp nuôi, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của đương sự, sự tự nguyện này không vi phạm điều cấm của Luật và không trái đạo đức xã hội, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị Q và anh H, giao cháu Nguyễn H N - sinh ngày 12 tháng 5 năm 2013 cho anh H trực tiếp nuôi. Anh H không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con, nên

Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Do chị Q và anh H xác định anh, chị không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ: Do Ngân hàng K rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với chị Q và anh H, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Ngân Hàng K đối với anh H và chị Q.

[7] Về án phí trong vụ án:

- Buộc Trịnh Ng Q phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm.
- Anh Nguyễn V H không phải chịu án phí.
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về thủ tục tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án là đúng, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo và Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 217, 218, 227, 228, 244, 246, 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 8, 9, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Ng Q và anh Nguyễn V H.

2. Về quyền nuôi con: Giao con chung của chị Q và anh H là cháu Nguyễn H N - sinh ngày 12 tháng 5 năm 2013 cho anh H trực tiếp nuôi; Chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật không ai được quyền cản trở.

Anh H không yêu cầu chị Q cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3 Về quan hệ tài sản chung: Do chị Q và anh H xác định anh chị không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ: Đình chỉ toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với anh Nguyễn V H và chị Trịnh Ng Q.

5. Về án phí:

- Buộc chị Trịnh Ng Q phải chịu án phí Hôn nhân Gia đình sơ thẩm là 300.000đ. Chị Q đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011542 ngày 28 tháng 02 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long, chuyển thu án phí 300.000đ.

- Anh Nguyễn V H không phải chịu án phí.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0011773 ngày 27 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long là 300.000đ.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6; quyền và nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a, 7b; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết Bản án. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị Bản án theo quy định của pháp luật./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Nơi nhận

- VKSND huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Thị Đang